

Số: /BC-UBND

Kon Rẫy, ngày tháng năm

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022 đối với xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum**

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; số 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 02/4/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc tăng cường vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về ban hành quy định mức đạt chuẩn Bộ tiêu chí về: xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 và phân công đơn vị phụ trách tiêu chí;*

*Căn cứ đề nghị của UBND xã Tân Lập tại Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 30/12/2022 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Tân Lập đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022.*

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Tân Lập; UBND huyện Kon Rẫy báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022 đối với xã Tân Lập, cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra: Ngày 21/02/2023.

**1. Về hồ sơ:** UBND xã Tân Lập đã phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đánh giá mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu theo đúng quy định.

#### **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Kon Tum tại Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 02/4/2022 của về việc tăng cường vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022. Ngày từ đầu năm 2022, UBND huyện đã chỉ đạo Ban Chỉ đạo

các chương trình MTQG huyện, Văn phòng điều phối nông thôn mới, các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn địa phương tổ chức triển khai thực hiện<sup>(1)</sup>; phân công các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp huyện phụ trách các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng kế hoạch thẩm tra<sup>(2)</sup> và thành lập Đoàn thẩm tra<sup>(3)</sup> đề nghị xét công nhận xã Tân Lập đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022.

**3. Xã Tân Lập đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021 (tại Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về công nhận xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2021 theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao).**

**4. Về thu nhập bình quân đầu người của xã:** Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu đạt bình quân 58,14 triệu đồng/người/năm.

**5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu**

#### **5.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện:

+ Hiện nay quy hoạch nông thôn của xã được phê duyệt thời kỳ 2011-2020 vẫn cơ bản phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Do vậy việc tiếp tục sử dụng đồ án quy hoạch nông thôn của xã cho đến khi có

---

<sup>(1)</sup> Công văn số 262/UBND-TH ngày 10/3/2022 của UBND huyện về tăng cường vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 18/4/2022 của UBND huyện về Tổ chức kiểm tra kết quả rà soát, đánh giá thực trạng triển khai Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao; xã nông thôn mới kiểu mẫu; thôn nông thôn mới kiểu mẫu; thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào DTTS trên địa bàn các xã, thị trấn năm 2022...

<sup>(2)</sup> Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 10/01/2023 về Thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; thẩm định, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu, thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022.

<sup>(3)</sup> Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 về thành lập Đoàn thẩm tra các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; thẩm định các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu, thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022.

quy hoạch mới được phê duyệt là phù hợp theo quy định tại điểm b, c Điều 59 Luật quy hoạch năm 2017.

+ Bên cạnh đó tại địa bàn xã đã được UBND huyện Kon Rẫy thống nhất chủ trương lập Đồ án Quy hoạch nông thôn giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2035 tại Công văn số 1484/UBND-TH ngày 07 tháng 12 năm 2022.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Đã được UBND huyện bố trí từ nguồn vốn Chương trình MTQG năm 2023, số tiền 400 triệu đồng.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 01 về quy hoạch.

## **5.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (*biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...*) theo quy định  $\geq 50\%$ .

- Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn:

+ Được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đạt 100%.

+ Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp  $\geq 50\%$ .

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp - xanh - sạch - đẹp  $\geq 85\%$ .

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa  $\geq 80\%$ .

### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Hoàn thiện hệ thống mốc lộ giới của các tuyến đường trục thôn, cắm biển báo giao thông, đầu tư hệ thống điện công lộ, đầu tư các trục đường đi khu sản xuất và trồng bổ sung hệ thống cây xanh các tuyến đường.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Tuyến đường Quốc lộ 24 đoạn qua địa bàn xã có chiều dài 9,5 km, trên tuyến đã được bố trí hệ thống biển báo giao thông, gờ giảm tốc tại các vị trí cần thiết, hằng năm Sở giao thông vận tải tổ chức duy tu bảo dưỡng thường xuyên. Điện chiếu sáng được lắp đặt tại các khu vực tập trung đông dân cư, cây xanh được trồng dọc hai bên tuyến đường với khoảng cách trung bình 20m/cây. Hiện tỷ lệ cây xanh đạt 70%, điện chiếu sáng đạt 51%.

+ Trên địa bàn xã có tổng 8,6 km đường trục thôn, liên thôn; trong đó có 8,1km được bê tông hoá hoặc nhựa hoá và 0,5 km được cứng hoá đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%; hằng năm xã đã tổ chức xây dựng kế hoạch bảo trì các tuyến đường, đồng thời tổ chức phát dọn, nạo vét hệ thống thoát nước.

+ Các tuyến đường trục thôn, liên thôn trên địa bàn xã đã được lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn giao thông, gờ giảm tốc được bố trí tại những vị trí phù

hợp nhằm hạn chế tai nạn giao thông; cây xanh dọc hai bên đường đạt tỷ lệ 90%, hệ thống điện chiếu sáng được bố trí đầy đủ đạt tỷ lệ 100%.

+ Trên địa bàn xã có tổng số 8,359 km đường ngõ xóm, trong đó có 8,141km đã được bê tông hoá đạt tỷ lệ 97%, dọc hai bên đường trồng cây xanh đạt tỷ lệ 85%, hệ thống điện chiếu sáng được lắp đặt đạt tỷ lệ 85%.

+ Tổng số km đường trục chính nội đồng 127,25 km, trong đó được cứng hoá đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá 22,187 km, đạt 81,4%.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 295 triệu đồng (*trong đó: 15 triệu đồng từ nguồn xã hội hóa*).

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 02 về Giao thông

### **5.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động  $\geq 90\%$ .

- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước  $\geq 20\%$ .

- Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

- Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Thường xuyên kiểm tra và phối hợp quản lý vận hành các công trình thủy lợi, thường xuyên bảo trì và nạo vét hệ thống kênh mương đảm bảo tưới tiêu, thường xuyên kiểm kê kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi, luôn luôn đảm bảo chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động đạt 92,6% (475 ha/513ha), tập trung vào diện tích lúa (*vụ Mùa, vụ Đông Xuân*) được tưới từ 03 công trình trên địa bàn xã, diện tích cây rau đậu các loại, cây lâu năm (*cà phê, tiêu, cây ăn quả*) được chủ động về nguồn nước tưới tiêu.

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp, thoát nước chủ động đạt 91,11% (1,64ha/1,8ha), tập trung vào diện tích nuôi cá truyền thống.

+ Xã đã thành lập 01 tổ hợp tác (*THT dùng nước công trình thủy lợi Đập Đăk Snghe*) với 261 thành viên (*trong đó: 01 tổ trưởng, 01 tổ phó và 206 tổ viên*); tổ hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của

Chính phủ về tổ hợp tác (có hợp đồng hợp tác và gửi thông báo tới UBND cấp xã nơi thành lập).

+ Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt theo quy định, trong đó: diện tích cây lúa đạt 21,58% (52ha/241ha); diện tích cây trồng cạn đạt 20,54% (68ha/331ha), tập trung vào diện tích cây cà phê và cây ăn quả.

+ Xã có 03 công trình thủy lợi (gồm: Hồ chứa Nước Rơ, Đập Đăk SNghe, Đập Kon Bru; trong đó: có 02 công trình do tỉnh quản lý (Hồ chứa Nước Rơ, Đập Đăk SNghe) và 01 công trình do xã quản lý (Đập Kon Bru). Định kỳ hằng năm 100% số công trình thủy lợi nhỏ, kênh mương nội đồng đều được tổ chức nạo vét, phát dọn, bảo trì đảm bảo phục vụ cấp nước cho toàn bộ diện tích dùng nước từ các công trình.

+ Trên địa bàn xã không có nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

+ Xã Tân Lập đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Ban chỉ huy PCTT-TKCN&PTDS xã được thành lập và hoạt động có hiệu quả, có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương; thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai theo quy định. Định kỳ hằng năm UBND xã, Ban chỉ huy PCTT-TKCN&PTDS xã đã xây dựng kế hoạch, chương trình, phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai đảm bảo theo quy định.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 6,350 triệu đồng.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi.

#### **5.4. Tiêu chí số 4 về điện**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định  $\geq 85\%$ .

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: UBND xã, các ngành đoàn thể thường xuyên phối hợp với ngành điện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng điện an toàn.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Tổng số hộ trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định là 1.160hộ/1.160hộ, đạt 100%.

+ 6/6 thôn trên địa bàn xã đã có điện chiếu sáng; có 100% số km hệ thống dây dẫn được sử dụng bằng cáp trực đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Hành lang an toàn đường điện được đảm bảo.

+ Toàn xã có 1.160/1.160 hộ sử dụng điện lưới quốc gia, đạt 100%. Trong quá sử dụng điện sinh hoạt cũng như sản xuất chấp hành đúng các quy định về

quy trình kỹ thuật sử dụng điện an toàn theo quy định; các hộ được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 290 triệu đồng

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 4 về Điện

### **5.5. Tiêu chí số 5 về giáo dục**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ trường học các cấp (*mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS*) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2, đạt 100%.

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, đạt mức độ 3.

- Đạt chuẩn xóa mù chữ, đạt mức độ 2.

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại, xếp loại khá.

- Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền, đạt

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện:

+ Hiện nay trên địa bàn xã các đơn vị trường học đều đạt chuẩn cơ sở vật chất (trường MN Tân Lập, THCS Tân Lập đạt mức độ 1, trường TH Tân Lập đạt mức độ 2). Chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được duy trì và nâng cao hàng năm theo quy định, xã Tân Lập đã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3, công tác xóa mù mức độ 2 đã được đảm bảo, trung tâm học tập cộng đồng xã luôn hoạt động có hiệu quả.

+ Các đơn vị trường có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Xây mới 03 phòng học tại trường THCS Tân Lập.

+ Có 01 trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 2.000 triệu đồng.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 5 về giáo dục

### **5.6. Tiêu chí số 6 về văn hóa**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100%.

### ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Hiện nay tiêu chí số 6 đã được đầu tư thực hiện các nội dung yêu cầu tiêu chí.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Xã có đã thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã tại Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND huyện về việc thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tân Lập. Đã lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời ở điểm công cộng. Cụ thể: tại nhà văn hóa thôn 3, xã Tân Lập.

\* Về chủng loại dụng cụ thể thao gồm dân bóng chuyền, trụ, lưới bóng chuyền theo nhu cầu sử dụng của đại đa số quần chúng.

\* Về số lượng: đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng của đại đa số quần chúng tham gia hoạt động thể dục thể thao.

\* Có phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao phát triển mạnh, có thành tích: Xã đã tổ chức Hội thi Cồng chiêng, Xoang các dân tộc thiểu số xã Tân Lập năm 2022 tại Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 của UBND xã Tân Lập.

+ Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định tại Quyết định số 1731/QĐ0-BVHTTDL ngày 27/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Tập quán xã hội và tín ngưỡng Lễ Ết Đông” của nhóm Giơ Lâng (BaNa) huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

+ 06/06 thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định theo Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc công nhận “Thôn văn hóa” năm 2022 tại xã Tân Lập.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 167 triệu đồng

***c. Tự đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 6 về văn hóa

## **5.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

### ***a. Yêu cầu của tiêu chí***

- Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm, đạt.

### ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2022 Quyết định về việc hướng dẫn và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Hiện nay trên địa bàn xã không có quy hoạch chợ nông thôn. Căn cứ Mục II, Chương IV Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Công thương, xem xét tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đạt chuẩn.

+ 06 cơ sở kinh doanh trên địa bàn xã đảm bảo các yêu cầu tại điểm 2, mục II, Chương II Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Công thương.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

## **5.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông**

### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh  $\geq 55\%$ .

- Có dịch vụ báo chí truyền thông.

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)  $\geq 1$  điểm.

### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Rà soát điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương. Tổ chức rà soát người dân sử dụng điện thoại thông minh, dịch vụ báo chí truyền thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng trên địa bàn xã.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Xã đã có điểm phục vụ bưu chính.

+ Xã đã thống kê, rà soát tỷ lệ người trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh trên địa bàn xã. Kết quả: 643/1058 đạt 60,77%.



+ Hiện tại, Đài Truyền thanh xã Tân Lập đã được đưa vào danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới năm 2022 (Tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum) và đã được Ủy ban nhân dân xã lắp đặt.

+ Xã đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành VNPTIOFFICE. Xã đã được giới thiệu, quảng bá trên trang thông tin điện tử của xã: Xã đã giới thiệu sản phẩm OCOP Bún tươi Tân Lập trên Trang Thông tin điện tử, mạng xã hội. Xã có 100% địa chỉ được gắn, cập nhật địa chỉ bưu chính: Thực hiện theo Công văn số 177/STTTT-BCVT&CNTT ngày 10/02/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông (đến ngày 01/7/2023 đánh giá).

- Xã có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng tại điểm 02 điểm nhà Rông (thôn 4,5) và 04 điểm tại nhà văn hóa (thôn 1,2,3,6).

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 225 triệu đồng

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.

### **5.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố  $\geq 85\%$ .

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Vận động nhân dân thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở khang trang sạch đẹp, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Tuyên truyền vận động nhân dân tu sửa, xây dựng mới nhà ở.

+ Hiện trên địa bàn xã có 1.028 nhà ở hộ gia đình, trong đó có 963 căn nhà đạt chuẩn và 73 nhà không đạt chuẩn (chưa đủ diện tích của đầu người trong hộ), chiếm tỷ lệ 93,67%.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

### **5.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu cao hơn 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm,  $\geq 57,2$  triệu đồng.

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch đầu tư tại văn bản số 1245/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2022. Tiến hành lập danh sách hộ gia đình trên địa

bàn toàn xã (theo từng thôn); chọn hộ mẫu; điều tra phiếu từng hộ dân; tổng hợp toàn thôn, toàn xã.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Tập trung tuyên truyền người dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi nhằm tăng thu nhập cho người dân.

+ Qua rà soát, tính đến hiện nay thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã đạt bình quân 58,14 triệu đồng/người/năm.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 10 về thu nhập

### **5.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 đạt <5%

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện:

+ Quyết định số 63/UBND ngày 24/11/2022 về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, năm 2022 trên địa bàn xã Đăk Ruông.

+ Tuyên truyền người dân chăm lo sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi để tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Khối lượng đã thực hiện: Tổng số hộ nghèo trên toàn xã là 68 hộ (*trong đó 41 hộ nghèo không có khả năng lao động*), số hộ nghèo còn lại là 27 hộ, chiếm tỷ lệ 2,41%; Tỷ lệ hộ cận nghèo là 44 hộ (*trong đó 20 hộ nghèo không có khả năng lao động*), số hộ cận nghèo còn lại là 24 hộ, chiếm tỷ lệ 2,11%. Như vậy tổng tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo xã NTM kiểu mẫu là 4,52%.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều.

### **5.12. Tiêu chí số 12 về Lao động**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 75\%$ .

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 25\%$ .

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn  $\geq 10\%$ .

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện:

+ Triển khai phân loại từng đối tượng, thu thập, lưu trữ và tổng hợp thông tin thị trường lao động hàng năm trên địa bàn xã Đăk Ruông.

+ Danh sách phân loại từng đối tượng, biên bản thẩm định của phòng LĐTBXH huyện Kon Rẫy.

+ Tuyên truyền nhân dân tham gia các lớp đào nghề được mở trên địa bàn, vận cộn em sau khi tốt nghiệp THCS và PTHH không còn khả năng tham gia học chuyên nghiệp thì tham gia các lớp đào tạo nghề nông thôn trong và ngoài tỉnh.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Trên địa bàn xã có 1.876/2.359 lao động qua đào tạo đạt 79,53%.

+ Trên địa bàn xã có 772/2.359 lao động qua đào tạo có bằng cấp đạt 32,72%.

+ Trên địa bàn xã có 1.135/2.359 lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực đạt 43,11%.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 12 về Lao động

### **5.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định  $\geq 1$  HTX.

- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn  $\geq 1$  sản phẩm.

- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm  $\geq 1$ .

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã  $\geq 1$ .

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử  $\geq 10$ .

- Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng  $\geq 1$ .

- Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, vườn hoa, môi trường)  $\geq 1$

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ các Hợp tác xã trên địa bàn tổ chức hoạt động có hiệu quả, các chủ thể có sản phẩm đặc trưng tham gia chu trình OCOP, cấp mã số vùng trồng cho sản phẩm chủ lực của xã...

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Trên địa bàn xã có 02 hợp tác xã (*HTX Trung Lộ Quán và HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao-xây dựng Tân Lập*) hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

+ Hiện xã có 01 sản phẩm (Bún tươi Tân Lập) được UBND tỉnh Kon Tum công nhận đạt 03 sao cấp tỉnh (*Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 về Phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng và cấp Giấy chứng nhận cho các sản phẩm OCOP cấp tỉnh đạt từ ba (03) đến bốn (04) sao năm 2022 (đợt 2)*).

+ Sản phẩm Bún tươi Tân Lập được sản xuất trên cơ sở liên kết tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã (Lúa ST 24) do Tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp Tân Lập. Sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định.

+ Ngoài ra sản phẩm chủ lực của xã (Gạo Tân Lập) đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận.

+ Mô hình sản xuất lúa ST24 do Tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp Tân Lập triển khai đã tạo ra sản phẩm chất lượng và được chứng nhận VietGap; tổ hợp tác đã ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa bàn sản xuất, đồng thời ký kết hợp đồng tiêu thụ gạo ST24 với hộ kinh doanh Lò Bún (sản phẩm OCOP - Bún tươi Tân Lập).

+ Sản phẩm Gạo sạch Tân Lập được Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Nam (Tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp Tân Lập) thiết lập hệ thống điện tử (*thiết lập hồ sơ truy xuất nguồn gốc trên máy tính hoặc trên điện thoại thông minh...*) truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm.

+ Một số sản phẩm chủ lực của xã (Gạo Tân Lập, Sầu riêng...) được bán qua kênh thương mại điện tử, thông qua các kênh zalo/facebook/internet.

+ Trong năm 2022, xã có 02 sản phẩm chủ lực đã lập hồ sơ đăng ký cấp mã vùng đối với sản phẩm tiêu thụ nội địa, bao gồm: Cây lúa (10 ha) của Tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp Tân Lập và Cây sầu riêng (3 ha) của Hộ kinh doanh Vỹ Thịnh. Tuy nhiên, do UBND tỉnh chưa phân cấp cho cơ quan đầu mối cấp mã số vùng trồng đối với cây trồng tiêu thụ nội địa nên đến nay chưa được đoàn kiểm tra, cấp mã số vùng trồng. Các vùng trồng đáp ứng các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm.

+ Đăng tin bài quảng bá hình ảnh điểm du lịch lên trang thông tin điện tử của xã.

+ Trong năm 2019, 2020, được sự quan tâm hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Phòng NN&PTNT huyện, UBND xã Tân Lập đã triển khai mô hình sản xuất giống lúa ST24 với diện tích 20 ha trên cánh lúa thôn 3; mô hình đã tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập; tạo mối đoàn kết tương thân tương ái trong cộng đồng dân cư, giữ gìn bản

sắc văn hóa dân tộc; mô hình được sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, tiêu chuẩn VietGap nên tạo ra sản phẩm an toàn, không gây ô nhiễm môi trường.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 50 triệu đồng.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

#### **5.14. Tiêu chí số 14 về Y tế**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*)  $\geq 95\%$ .

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*)  $\geq 90\%$ .

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*)  $\geq 40\%$ .

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử  $\geq 70\%$ .

##### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Tiếp tục quan tâm chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, vận động nhân dân cũng hệ thống nhà vệ sinh nhất là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Hiện toàn xã có 4.026/4.226 người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,26%.

+ Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*) đạt 95,36%.

+ Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*) đạt 40%.

+ Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử là 95,36%.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 14 về Y tế

#### **5.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công**

##### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

- Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:** không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện:

+ Triển khai thực hiện theo nội dung Công văn số 3069/VP-TTHCC ngày 17/8/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kon Tum.

+ Triển khai đến CBCC thực hiện việc giải quyết các Thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công tỉnh Kon Tum và dịch vụ công Quốc gia.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính đạt theo quy định, cụ thể:

++ Về cung cấp, sử dụng dịch vụ công chứng thực bản sao điện tử từ bản chính: Số hồ sơ giao dịch về chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đến ngày 31/12/2022 là 420/448 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 93,75%.

++ Về sử dụng dịch vụ công trực tuyến: Số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến trong đến ngày 31/12/2022 là 548/975 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 56,20%.

++ Về số hóa hồ sơ: Đến ngày 31/12/2022, UBND xã đã chỉ đạo Bộ phận TN&TKQ xã thực hiện số hóa TTHC khi tiếp nhận hồ sơ là 522/845 hồ sơ đạt 61,78%. Số hóa kết quả giải quyết TTHC là 205/849 hồ sơ đạt 24,15%.

++ Về tiếp nhận xử lý hồ sơ thủ tục hành chính thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh: Tổng số hồ sơ tiếp nhận trên hệ thống giải quyết TTHC tỉnh đến ngày 12/10/2022 là 766 hồ sơ.

+ Có dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 3 trở lên, cụ thể:

\* Số lượng thủ tục hành chính đã đưa vào tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận một cửa xã là: 113 TTHC. Trong đó, thủ tục hành chính ở mức độ 3 là: 16/113 TTHC; mức độ 4 là: 53/113 TTHC, mức độ 2 là: 44/113 TTHC.

\* Số hồ sơ thủ tục hành chính đã phát sinh trực tuyến từ mức độ 3 trở lên là 369 hồ sơ/13 TTHC.

\* Số thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 được công khai là 69 TTHC.

+ Đến nay đã công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Trên địa bàn không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 15 về hành chính công

### **5.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật**

**a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận  $\geq 1$ .

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành  $\geq 90\%$ .

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu  $\geq 90\%$ .

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Thành lập mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Trên địa bàn xã Tân Lập có 01 Câu lạc bộ ngăn ngừa và giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới được công nhận và hoạt động có hiệu quả.

+ Có 06 tổ hòa giải/06 thôn thực hiện nhiệm vụ hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm theo quy định. Năm 2022, các tổ hòa giải và UBND xã đã tiếp nhận và hòa giải 01 vụ, việc; trong đó, đang hòa giải: 0 vụ, việc; hòa giải thành 01 vụ, việc, đạt: 100%.

+ Các đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 khi có yêu cầu đều được cán bộ, công chức nhiệt tình hướng dẫn, tư vấn và nhận được sự đồng tình của người dân, đạt 100%.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật

**5.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường an toàn thực phẩm**

**a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định  $\geq 80\%$ .

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả  $\geq 30\%$ .

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 50\%$ .

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường  $\geq 100\%$ .

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường  $\geq 80\%$ .

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường  $\geq 75\%$ .

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng  $\geq 5\%$ .

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ( $4m^2/\text{người}$ ).

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định  $\geq 50\%$ .

### ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Hiện nay trên địa bàn xã thực hiện đảm bảo theo đúng quy định; không có tình trạng, vụ việc vi phạm xảy ra về các nội dung bảo vệ môi trường; Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ 100% khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

+ 35/35 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định, đạt 82%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả, đạt 31,74% (340/1.071 hộ).

+ Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 51.63% (553/1.071 hộ).

+ 100% chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

+ 85% chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

+ Tổng số hộ chăn nuôi trên địa bàn xã là 79 hộ, trong đó có 61 hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Các hộ chăn nuôi có bảng kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019. Trên địa bàn xã có 01 cơ sở chăn nuôi (*HTX Sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao - Xây dựng Tân Lập*) có quy mô chuồng trại từ 100 đến dưới 500 đầu gia súc đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ sinh môi trường và đã được UBND huyện Kon Rẫy xác nhận đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.



+ Mỗi thôn hoặc liên thôn hoặc xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài, phù hợp với tập quán của địa phương, Có quy chế quản lý nghĩa trang, Việc táng phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại.

+ Hiện tại trên địa bàn xã Tân lập chưa có cơ sở hoá táng.

+ Tổng số người dân sống tại các điểm dân cư nông thôn là 3.800 người/4.226 người; Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là 16.000 m<sup>2</sup>; diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng đạt 4,2 m<sup>2</sup>/người.

+ 52% chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 17 về Môi trường an toàn thực phẩm

### **5.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung  $\geq 35\%$ .

- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm  $\geq 60$  lít/người.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững  $\geq 25\%$ .

- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch  $\geq 80\%$ .

- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường 100%.

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện thực hiện: Các công trình cấp nước tập trung thường xuyên được nâng cấp, cải tạo đảm bảo nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Trên địa bàn xã Tân Lập có 02 công trình cấp nước tập trung nông thôn, cụ thể: Công trình CNSH Kon Du (*Thôn 5*) và công trình CNSH Thị trấn Kon

Rẫy; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình CNTT đạt 38,02% (441 hộ/1.160 hộ).

+ Sản lượng nước trung bình ngày-đêm đạt 97 m<sup>3</sup>; bình quân đầu người/ngày đêm đạt 68,27 lít/người/ngày đêm.

+ 100% công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

+ 100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

+ Trong năm 2022, trên địa bàn xã không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

+ Trên địa bàn xã Tân Lập có 01 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản (*Giò Chả Doãn Thị Thúy, địa chỉ: thôn 3*) được chứng nhận về an toàn thực phẩm, đạt 100%.

+ Tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh đạt 83,79%; Tỷ lệ hộ có thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 83,79%, Tỷ lệ hộ có nhà tiêu an toàn đạt 83,79% và đảm bảo 3 sạch đạt 83,79%.

+ Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

### **5.19. Tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên hiệu quả.

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện:

+ Ban CHQS xã đã kiện toàn đúng, đủ các chức danh theo đúng cơ cấu, thành phần có đủ 04 chức danh (*Chỉ huy trưởng là thành viên Ủy ban nhân dân xã, sỹ quan dự bị; Phó chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Chính trị viên do Bí thư Đảng ủy đảm nhiệm; Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đảm nhiệm*).

+ Hằng năm, Đảng ủy xã có Nghị quyết, UBND xã có Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Đã tổ chức xây dựng Chi bộ quân sự có Cấp ủy, duy trì hoạt động có nề nếp, hiệu quả theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương; cơ cấu thành phần đảng viên của Chi bộ gồm: Ban CHQS và các đồng chí đảng viên trong Trung đội Dân quân cơ động xã.

+ Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp đúng tổ chức biên chế có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương; có 6/6 thôn có tổ chức Dân quân và tổ chức biên chế lực lượng Dân quân theo đúng Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

+ Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng Dân quân xã; đảng viên trong lực lượng Dân quân 14 đồng chí, đạt 18,2% so với Dân quân toàn xã, thôn đội trưởng 4/6 đồng chí, đạt 66,6%.

+ Đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, trang bị, vật liệu nổ quân dụng, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật theo đúng Thông tư, hướng dẫn của trên.

+ Đã Tổ chức 01 Trung đội Dân quân cơ động xã, quân số 28 đồng chí làm nòng cốt trong đội xung kích phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

+ Trong năm lực lượng Dân quân được giáo dục chính trị - pháp luật, tập huấn, huấn luyện quân sự đủ nội dung, thời gian, chương trình quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng; trong năm, cán bộ Ban Chỉ huy quân sự xã được tập huấn 4/4 đồng chí tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum theo đúng kế hoạch của trên, cán bộ trung đội trưởng, tiểu đội trưởng, thôn đội trưởng được tập huấn tại Ban CHQS huyện. Huấn luyện Dân quân năm thứ nhất 100% quân số, thời gian 15 ngày, Dân quân cơ động và các binh chủng bảo đảm 90% quân số huấn luyện, thời gian 12 ngày, Dân quân Tại chỗ 80% quân số huấn luyện, thời gian 7 ngày.

+ Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật lực lượng dự bị động viên; sẵn sàng huy động khi có lệnh của cấp có thẩm quyền' có 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương được đăng ký vào ngạch dự bị không có công dân đào, bỏ ngũ; 100% quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý chặt chẽ, sẵn sàng động viên khi có lệnh.

+ Đã đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, đảm bảo chất lượng, đúng pháp luật. Trong năm hoàn thành 100% chỉ tiêu về công tác tuyển quân (*năm 2023 giao 10/10 công dân*).

+ Trong năm không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương.

+ Đảng ủy ban hành Kế hoạch số 46-KH/ĐU, ngày 28-02-2022 của Ban thường vụ Đảng ủy xã Tân Lập về thực hiện Chương trình số 41-CTr/HU, ngày 14-02-2022, của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TU, ngày 12-01-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo nhiệm vụ công tác

đảm bảo an ninh, trật tự năm 2022; UBND xã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND, ngày 22/03/2022 của UBND xã về đảm bảo an ninh trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2022.

+ Không để xảy ra hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Không để xảy ra hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng; Không để xảy ra tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; Không để xảy ra hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự; Không để xảy ra hoạt động ly khai, đòi tự trị.

+ Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật;

+ Không để xảy ra các hoạt động như: Kích động, xúi dục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

+ Trong năm 2022 địa bàn xã Tân Lập xảy ra 01 vụ Trộm cắp tài sản đối 01 đối tượng thực hiện bị Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy tuyên phạt 6 tháng tù giam là tội phạm ít nghiêm trọng.

+ Về trật tự xã hội: xảy ra 02 vụ - 01 đối tượng giảm 02 vụ so với năm 2021; về tệ nạn xã hội: không xảy ra giảm 02 vụ so với năm 2021; về tai nạn giao thông: xảy ra 01 vụ làm 02 người chết, 01 người bị thương không tăng không giảm so với năm 2021.

+ Có một trong các mô hình về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh

## **5.20. Tiêu chí số 20 về Mô hình nông thôn thông minh**

### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Có mô hình thôn thông minh do UBND cấp tỉnh quy định  $\geq 1$ .

### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện: Triển khai nội dung tiêu chí thông tin và truyền thông về mô hình thôn, xã thông minh; xã có thực hiện chuyển đổi số về quản lý nhà nước và an sinh xã hội.

- Khối lượng đã thực hiện: UBND xã xây dựng tổ công nghệ số cộng đồng; Tuyên truyền, vận động, phổ biến đến cán bộ thôn ứng dụng các nền tảng số; Thôn được bao phủ sóng di động 4g, 5g; Xã đã lắp đặt 1 điểm camera an ninh.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 2 triệu đồng (*xã hội hóa*).

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 20 về Mô hình nông thôn thông minh

### **5.21. Tiêu chí số 21 về Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu về lĩnh vực nổi trội (lĩnh vực Văn hóa)**

#### **a. Yêu cầu của tiêu chí**

- Có phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao phát triển mạnh, có thành tích.

- Có đội văn nghệ quần chúng, đội công chiêng - xoang, dân ca, dân vũ được tổ chức tốt.

- Có ít nhất 02 câu lạc bộ loại hình văn hóa, gia đình hoặc thể thao hoạt động hiệu quả.

#### **b. Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Tình hình tổ chức triển khai và các nội dung đã thực hiện: Tổ chức, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục-thể thao. Duy trì tình hình hoạt động của các đội văn nghệ quần chúng, đội công chiêng - xoang, dân ca, dân vũ, câu lạc bộ loại hình văn hóa, gia đình hoặc thể thao hoạt động hiệu quả.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Thường xuyên tổ chức các phong trào thể dục thể thao quần chúng.

+ Duy trì, bảo tồn phát huy giá trị văn hóa phi vật thể không gian văn hóa Công chiêng – xoang.

+ Có đội văn nghệ quần chúng, đội công chiêng - xoang, dân ca, dân vũ được tổ chức tốt Quyết định Số 105/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của UBND xã Tân Lập Về việc thành lập Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa gắn với phát triển du lịch của dân tộc Ba Na xã Tân Lập.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): Không.

**c. Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 21 về về lĩnh vực nổi trội (*lĩnh vực Văn hóa*)

### **6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu**

#### **6.1. Quan điểm**

Tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của chính quyền địa phương, đoàn thể chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục tiêu, các giải pháp tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Phát huy vai trò chủ thể của người dân trên tinh thần dân biết, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ để tiếp tục, giữ vững và phát triển các tiêu chí đã đạt.

**6.2. Mục tiêu:** Tiếp tục giữ vững và phát triển các tiêu chí đã đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu. Nâng cao đời sống, vật chất và tinh thần của người dân. Xây

dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại, đảm bảo môi trường, cảnh quan sáng, xanh, sạch, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, nâng cao chất lượng sống nhân dân.

### **6.3. Nội dung, giải pháp**

- Tiếp tục phát động phong trào toàn dân hưởng ứng xây dựng thôn, xóm văn minh, sạch đẹp; trong đó tổ chức tốt công tác thu gom, xử lý rác thải, chỉnh trang đường làng, ngõ xóm; Vận động các hộ tự cải tạo, xây dựng, nâng cấp nhà ở đạt chuẩn, chỉnh trang tường rào, vườn tược; có ý thức bảo vệ môi trường chung, không xả rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Hàng tháng phát động nhân dân tham gia vệ sinh môi trường ở từng thôn, xóm.

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất. Vận động nhân dân đầu tư máy móc, thiết bị để thực hiện tốt cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, tổ chức sản xuất để nâng cao thu nhập, nhất là nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

- Huy động tối đa các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới: Nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, vốn huy động từ nhân dân, vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và vốn tín dụng.

- Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ tham gia trực tiếp chương trình.

## **II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:** Hồ sơ minh chứng, các biểu mẫu, biên bản thẩm tra đánh giá tiêu chí từng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu đảm bảo đúng quy định.

**2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu**

- Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu của xã Tân Lập đã được UBND huyện thẩm tra đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu tính đến thời điểm thẩm tra là: 21/21 tiêu chí, đạt 100%.

- Đủ điều kiện đề nghị công nhận xã Tân Lập đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022 theo đúng quy định.

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu:** Xã Tân Lập đã hoàn thành thanh quyết toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:** Đề nghị UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh thẩm định công nhận, công bố xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022.

Trên đây là Báo cáo của UBND huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu đề nghị xét, công nhận xã Tân Lập đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2022./.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng UBND tỉnh (b/c);
- BCĐ các CT MTQG tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT tỉnh (b/c);
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ban TT UBMTT huyện (b/c);
- Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị;
- Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tân Lập;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thủy**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN  
CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU ĐẾN NĂM 2022  
ĐỐI VỚI XÃ TÂN LẬP, HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM**

*(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND huyện Kon Rẫy)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Đạt	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	≥50%	Đạt	Đạt	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100%	Đạt	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥50%	Đạt	Đạt	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	≥85%	Đạt	Đạt	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥80%	Đạt	Đạt	
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	≥90%	Đạt	Đạt	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Đạt	Đạt	Đạt	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt	Đạt	
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt	Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥98%	Đạt	Đạt	



		5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Đạt	Đạt
5	Giáo dục	5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Đạt	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Đạt	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Đạt	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Đạt	Đạt
		6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Đạt	Đạt
6	Văn hóa	6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	100%	Đạt	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt
		8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	≥55%	Đạt	Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	- Sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội. - Xã có 100% địa chỉ được gán, cập nhật địa chỉ bưu chính (gắn với bản đồ V – MAP)	Đạt	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	≥1 địa điểm	Đạt      Đạt	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	85%	Đạt	Đạt

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm	$\geq 57,2$	Đạt	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	$\leq 5\%$	Đạt	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 75\%$	Đạt	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 25\%$	Đạt	Đạt
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\geq 10\%$	Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	$\geq 1$	Đạt	Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	$\geq 1$ sản phẩm	Đạt	Đạt
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	$\geq 1$	Đạt	Đạt
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	$\geq 1$	Đạt	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10$	Đạt	Đạt
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	$\geq 1$	Đạt	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	$\geq 1$	Đạt	Đạt
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Đạt	Đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	Đạt	Đạt
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	Đạt	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	Đạt
16	Tiếp cận	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo	$\geq 1$	Đạt	Đạt

17	pháp luật	đục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận		
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥90%	Đạt Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	Đạt Đạt
		17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Đạt Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥80%	Đạt Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥30%	Đạt Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	Đạt Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Đạt Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	Đạt Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥75%	Đạt Đạt
		18	Chất lượng môi trường sống	17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch
17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥5%			Đạt Đạt
17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (≥4m <sup>2</sup> /người)	Đạt			Đạt Đạt
17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%			Đạt Đạt
18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥35%			Đạt Đạt
18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥60 lít			Đạt Đạt
18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥25%			Đạt Đạt
18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%			Đạt Đạt
18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của	Không			Đạt Đạt

		xã			
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	Đạt	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥80%	Đạt	Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Đạt	Đạt
		19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt
20	Mô hình nông thôn thông minh	Có mô hình thôn thông minh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định	≥ 1	Đạt	Đạt
21		Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất ( <i>Về sản xuất, Về giáo dục, Về Văn hóa, Về du lịch, Về cảnh quan môi trường, Về an ninh trật tự, Về chuyển đổi số</i> )			
21.3	Về Văn hóa	- Có phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao phát triển mạnh, có thành tích. Có đội văn nghệ quần chúng, đội công chiêng - xoang, dân ca, dân vũ được tổ chức tốt. - Có ít nhất 02 câu lạc bộ loại hình văn hóa, gia đình hoặc thể thao hoạt động hiệu quả.		Đạt	Đạt